

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Ban hành theo Quyết định số 133/QĐ-ĐHCĐ ngày 21/2/2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công đoàn)

Tên chương trình: **Chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Công tác xã hội**

Hệ đào tạo: **Chính qui**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo những cử nhân Công tác xã hội có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, có tinh thần phục vụ công nhân, viên chức, lao động và nhân dân, có tinh thần say mê, yêu nghề, nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành về nghề.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Sử dụng được các kỹ năng công tác xã hội học cá nhân, nhóm vào việc cung cấp các dịch vụ trợ giúp các cá nhân, gia đình và nhóm để giúp họ tăng cường năng lực tự giải quyết vấn đề và đáp ứng nhu cầu của mình;

- Có kỹ năng đánh giá, phát hiện các vấn đề trong cộng đồng, huy động nguồn lực phát triển cộng đồng, tham gia quản lý và thực hiện các dự án phát triển cộng đồng;

- Phát triển kỹ năng vận động và tham gia xây dựng chính sách xã hội và các chính sách có liên quan;

- Có kỹ năng nghiên cứu, đánh giá chính sách, mô hình giúp đỡ;

- Có kỹ năng phân tích, đánh giá, áp dụng mô hình tiếp cận phục vụ cho phát triển nghề nghiệp (giảng dạy, kiểm huấn).

1.2.2. Kỹ năng

Nắm vững kiến thức cơ bản về tâm lý học, xã hội học, các lý thuyết và mô hình công tác xã hội; các phương pháp công tác xã hội chuyên nghiệp; kiến thức bổ trợ và ứng dụng vào việc phân tích, xây dựng kế hoạch, hỗ trợ thực hiện và lượng giá tiến trình giải quyết vấn đề. Đồng thời, có kiến thức nghiên cứu và xây dựng các mô hình tiếp cận khác nhau giúp đỡ đối tượng có vấn đề trong cuộc sống; kiến thức nghiên cứu và xây dựng chính sách.

1.2.3. Thái độ

Giúp người học phát triển thái độ làm việc có tinh thần trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp. Đặc biệt giúp người học nắm rõ và biết cách vận dụng phù hợp các quy định đạo đức xã hội và yêu cầu nghề nghiệp vào công việc sau khi tốt nghiệp.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Công tác xã hội trình độ đại học có thể làm việc:

- Cung ứng dịch vụ công tác xã hội tại các đơn vị thuộc hệ thống công đoàn từ Trung ương đến địa phương.

- Các cơ quan của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội các cấp từ Trung ương đến địa phương.

- Các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội cho các loại đối tượng khác nhau thuộc các lĩnh vực như y tế, giáo dục, pháp luật, phúc lợi xã hội...

- Có thể làm việc độc lập với vai trò là nhân viên xã hội, kiểm huấn viên, nhà nghiên cứu hay cán bộ hoạch định chính sách xã hội.

- Làm việc trực tiếp tại các cơ sở nghiên cứu đào tạo có liên quan đến công tác xã hội

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ của người học sau tốt nghiệp

Có trình độ tiếng anh tương đương trình độ B Châu Âu

1.2.6. Trình độ Tin học của người học sau tốt nghiệp

Có trình độ tin học tương đương trình độ B

2. Thời gian đào tạo

4 năm (48 tháng)

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

130 tín chỉ (chưa bao gồm phần nội dung về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh)

Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 43 tín chỉ (33.1%),
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 77 tín chỉ (59.2%)
- + Kiến thức cơ sở của khối ngành: 18 tín chỉ (13.8%)
- + Kiến thức ngành: 55 tín chỉ (42.3%)
- Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp cuối khoá: 10 tín chỉ (7.69%)

4. Đối tượng tuyển sinh

Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội hoặc hoàn cảnh kinh tế, nếu có đủ các điều kiện sau đây đều được dự thi vào trường đại học Công đoàn:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông, trung học bổ túc.

- Có đủ sức khoẻ để học tập và lao động theo quy định tại Thông tư Liên bộ Y tế - Đại học, THCN và DN số 10/TT-LB ngày 18 - 8 - 1989 và Công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20 - 8 - 1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo:

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Tổ chức đào tạo theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và và thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ*

chính qui theo hệ thống tín chỉ) và Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Công đoàn (Ban hành kèm theo Quyết định số 132/QĐ-ĐHCĐ ngày 21/2/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Công đoàn thay thế Quyết định số 578/QĐ-ĐHCĐ ngày 8/9/2010 của Hiệu trưởng về việc ban hành qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ)

5.2. Điều kiện tốt nghiệp:

Theo hiện theo Điều 27 về điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (*Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*) và Điều 26 về điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Công đoàn (*Ban hành kèm theo Quyết định số 132/QĐ-ĐHCĐ ngày 21/2/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Công đoàn*)

6. Thang điểm

Theo thang điểm 10, sau đó được chuyển thành điểm chữ (A,B,C,D,F) ; Thực hiện theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ và thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 132/QĐ-ĐHCĐ ngày 21/2/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Công đoàn về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Công đoàn

7. Nội dung chương trình

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ
I	KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG	43
I.1.	Học phần bắt buộc (không kể GDTC, GDQP)	26
1.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Hp1)	2
2.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Hp2)	3
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
5.	Anh văn cơ bản I	3
6.	Anh văn cơ bản II	3
7.	Anh văn cơ bản III	3
8.	Tin học đại cương	3
9.	Toán thống kê cho khoa học xã hội	2
10.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
11.	Giáo dục thể chất	5
12.	Giáo dục quốc phòng	8
I.2.	Học phần tự chọn	17
13.	Soạn thảo văn bản	2
14.	Pháp luật đại cương	2
15.	Lịch sử văn minh thế giới	2
16.	Kinh tế học đại cương	3
17.	Dân số và phát triển	2
18.	Những vấn đề cơ bản về Công đoàn Việt Nam	2
19.	- Giáo dục học đại cương (2 TC) } <u>(Chọn 2</u> - Địa lý kinh tế Việt Nam (2 TC) <u>trong 4 TC)</u>	2
20.	- Dân tộc học đại cương (2 TC) } <u>(Chọn 2</u> - Thống kê xã hội (2 TC) <u>trong 4 TC)</u>	2
II	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	77
II.1.	Kiến thức cơ sở ngành và ngành	25
II.1.1	Kiến thức bắt buộc	19
21.	Nhập môn công tác xã hội	2
22.	Xã hội học đại cương	2
23.	Lôgic học	2
24.	Đại cương văn hóa Việt Nam	2
25.	Tâm lý học đại cương	2
26.	Hành vi con người và môi trường xã hội	3
27.	Chính sách xã hội	2
28.	An sinh xã hội	2
29.	Lý thuyết công tác xã hội	2

II.1.2	Kiến thức tự chọn	6
STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ
30.	Tâm lý học xã hội	2
31.	Giới và phát triển	2
32.	Kỹ năng giao tiếp	2
II.2.	Kiến thức ngành	52
II.2.1	Kiến thức bắt buộc	21
33.	Công tác xã hội cá nhân	2
34.	Công tác xã hội nhóm	2
35.	Phát triển cộng đồng	3
36.	Tham vấn cơ bản	2
37.	Thực hành công tác xã hội I	2
38.	Thực hành công tác xã hội II	3
39.	Thực hành công tác xã hội III	3
40.	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	2
41.	Quản trị công tác xã hội	2
II.2.2	Kiến thức tự chọn	25
42.	Tâm lý học phát triển	2
43.	Tham vấn gia đình	2
44.	Sức khỏe tâm thần	2
45.	Gia đình học	2
46.	Xây dựng và quản lý dự án	2
47.	Luật lao động và Luật công đoàn	3
48.	Công tác xã hội với phụ nữ	2
49.	Công tác xã hội với người lao động yếu thế	2
50.	Công tác xã hội với người khuyết tật	2
51.	Công tác xã hội với trẻ em	2
52.	Công tác xã hội với người cao tuổi	2
53.	Công tác xã hội trong trường học	2
II.2.3	Kiến thức bổ trợ	6
54.	Anh văn chuyên ngành I	2
55.	Anh văn chuyên ngành II	2
56.	Tin học ứng dụng	2
III	THỰC TẬP TỐT NGHIỆP - KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP, hoặc - HỌC VÀ THI MỘT SỐ HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN	10
TỔNG CỘNG		130

8. Kế hoạch giảng dạy toàn khóa (dự kiến)

TT	Học phần	Số TC	Học kỳ thứ								Khoa, BM đảm nhiệm	
			1	2	3	4	5	6	7	8		
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin I (Hp1)	2	2									LLCT
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin I (Hp2)	3		3								LLCT
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2							LLCT
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3				3						LLCT
5	Anh văn cơ bản 1	3		3								N.Ngữ
6	Anh văn cơ bản 2	3			3							N.Ngữ
7	Anh văn cơ bản 3	3				3						N.Ngữ
8	Tin học đại cương	3			3							BM.Tin
9	Toán thống kê cho khoa học xã hội	2			2							KHCB
10	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2			2							CTXH
11	Giáo dục thể chất	5	1	1	1	1	1					GDTC
12	Giáo dục quốc phòng	8										GDTC
13	Soạn thảo văn bản	2		2								KHCB
14	Pháp luật đại cương	2	2									Luật
15	Lịch sử văn minh thế giới	2	2									LLCĐ
16	Kinh tế học đại cương	3			3							Kinh tế
17	Dân số và phát triển	2	2									XHH
18	Những vấn đề cơ bản về Công đoàn VN	2		2								LLCĐ
19	Giáo dục học đại cương } (<u>Chọn 2</u> <u>Địa lý kinh tế Việt Nam</u> trong 4 TC)	2			2							CTXH
		2										KHCB
20	Dân tộc học đại cương } (<u>Chọn 2</u> <u>Thống kê xã hội</u> trong 4 TC)	2				2						XHH
		2										KHCB
21	Nhập môn công tác xã hội	2			2							CTXH
22	Xã hội học đại cương	2		2								XHH
23	Logic học	2		2								LLCT
24	Đại cương văn hoá Việt Nam	2		2								LLCĐ
25	Tâm lý học đại cương	2	2									CTXH
26	Hành vi con người và môi trường xã	3				3						CTXH

	hội										
27	Chính sách xã hội	2				2				XHH	
28	An sinh xã hội	2					2			CTXH	
29	Lý thuyết công tác xã hội	2				2				CTXH	
30	Tâm lý học xã hội	2		2						CTXH	
31	Giới và phát triển	2				2				CTXH	
32	Kỹ năng giao tiếp	2					2			CTXH	
33	Công tác xã hội cá nhân	2					2			CTXH	
34	Công tác xã hội nhóm	2						2		CTXH	
35	Phát triển cộng đồng	3						3		CTXH	
36	Tham vấn cơ bản	2					2			CTXH	
37	Thực hành công tác xã hội I	2					2			CTXH	
38	Thực hành công tác xã hội II	3						3		CTXH	
39	Thực hành công tác xã hội III	3							3	CTXH	
40	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	2							2	CTXH	
41	Quản trị công tác xã hội	2							2	CTXH	
42	Tâm lý học phát triển	2						2		CTXH	
43	Tham vấn gia đình	2						2		CTXH	
44	Sức khoẻ tâm thần	2					2			CTXH	
45	Gia đình học	2					2			CTXH	
46	Xây dựng và quản lý dự án	2							2	CTXH	
47	Luật lao động và Luật Công đoàn	3					3			Luật	
48	Công tác xã hội với phụ nữ	2							2	CTXH	
49	Công tác xã hội với người lao động yếu thế	2							2	CTXH	
50	Công tác xã hội với người khuyết tật	2							2	CTXH	
51	Công tác xã hội với trẻ em	2						2		CTXH	
52	Công tác xã hội với người cao tuổi	2						2		CTXH	
53	Công tác xã hội trong trường học	2							2	CTXH	
54	Anh văn chuyên ngành I	2					2			N.Ngữ	
55	Anh văn chuyên ngành II	2						2		N.Ngữ	
56	Tin học ứng dụng	2						2		BM.Tin	
57	Thực tập, làm khoá luận tốt nghiệp	10								10	CTXH
	Tổng cộng:	130	10	18	19	17	19	20	17	10	

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

Được nêu trong đề cương chi tiết các học phần

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

10.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

10.1.1. Danh sách giảng viên cơ hữu giảng các học phần giáo dục đại cương và cơ sở khối ngành:

Được nêu trong bộ đề cương chi tiết các học phần

10.1.2. Danh sách giảng viên cơ hữu giảng các học phần chuyên ngành

Được nêu trong bộ đề cương chi tiết các học phần

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1. Hệ thống phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học đa phương tiện lớn	2	100	Bàn ghế HS	100	Phục vụ các môn học lý thuyết
				Máy chiếu	01	
				Màn chiếu	01	
				Loa, micro	01	
				Bàn,ghế GV	01	
				Bảng	01	
2	Phòng học đa phương tiện nhỏ	4	80	Bàn ghế HS	80	Phục vụ các môn học lý thuyết và thảo luận nhóm
				Máy chiếu	01	
				Màn chiếu	01	
				Loa, micro	01	
				Bàn,ghế GV	01	
				Bảng	01	
3	Phòng Lab học ngoại ngữ	1	60	Máy chủ	01	Các học phần ngoại ngữ
				Bảng	01	
				Bàn ghế máy tính	60	
				Bàn ghế gv	01	
				Máy in	01	
				Máy chiếu	01	
4	Phòng máy tính	1	60	Máy chủ	01	Các học phần Tin học
				Bảng	01	
				Bàn ghế máy tính	60	
				Bàn ghế gv	01	
				Máy in	01	
				Máy chiếu	01	

11.2. Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: 1200 m² (4 tầng x 300m²/tầng)
- Trong đó diện tích phòng đọc: 200 m² (2 phòng)
- Số chỗ ngồi: 200
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 50
- Phần mềm quản lý thư viện: Unilib
- Thư viện điện tử: Có thư viện điện tử, gồm 01 máy chủ và 10 máy trạm, các máy tính cấu hình mạnh, đường truy nhập tốc độ 64; đã kết nối được với CSĐT nào trong nước, ngoài nước; việc tra cứu của giảng viên, sinh viên trong toàn trường?
- Số lượng sách, giáo trình điện tử: 20

11.3. Danh mục giáo trình, tập bài giảng

11.3.1. Danh mục giáo trình, tập bài giảng các học phần đại cương và cơ sở ngành

Được nêu trong bộ đề cương chi tiết các học phần

11.3.1. Danh mục giáo trình, tập bài giảng các học phần chuyên ngành:

Được nêu trong bộ đề cương chi tiết các học phần

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo này của Trường Đại học Công đoàn là những quy định về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức, kỹ năng cho ngành **Công tác xã hội**; là cơ sở giúp Nhà trường quản lý chất lượng quá trình đào tạo, các bộ phận trong trường thiết kế, bổ sung kiến thức, kỹ năng từ học phần cho phù hợp.

- Phòng Đào tạo căn cứ chương trình xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giảng dạy cho từng năm học, học kỳ.

- Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng căn cứ chương trình theo dõi quá trình tổ chức thực hiện

- Khoa, bộ môn căn cứ chương trình phân công giảng viên tham gia thực hiện.

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Phạm Văn Hà

